

Số: 33<sup>82</sup>/QĐ-ĐHTCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 10 năm 2025

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công nhận đạt chuẩn đầu ra về kỹ năng công nghệ thông tin,  
đạt chuẩn đầu ra về năng lực ngoại ngữ đối với sinh viên trình độ đại học  
hình thức Vừa làm vừa học, Từ xa tại Trường Đại học Tài chính - Marketing  
đợt 5 năm 2025**

### **HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - MARKETING**

*Căn cứ Quyết định số 1351/QĐ-ĐHTCM ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức Vừa làm vừa học tại Trường Đại học Tài chính - Marketing;*

*Căn cứ Quyết định số 288/QĐ-ĐHTCM ngày 26 tháng 02 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing ban hành Quy chế đào tạo Từ xa trình độ đại học tại Trường Đại học Tài chính - Marketing;*

*Căn cứ Quyết định số 1166/QĐ-ĐHTCM ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ; Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức Vừa làm vừa học; Quy chế đào tạo Từ xa trình độ đại học tại Trường Đại học Tài chính - Marketing;*

*Căn cứ Quyết định số 2485/QĐ-ĐHTCM-QLĐT ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing về việc điều chỉnh hướng dẫn thực hiện điều kiện xét miễn học, miễn thi các học phần tiếng Anh đối với sinh viên đào tạo trình độ đại học chính quy từ khóa tuyển sinh năm 2021 đến năm 2024, điều chỉnh hướng dẫn chuẩn đầu ra đối với khóa tuyển sinh năm 2024 đào tạo trình độ đại học chính quy tại Trường Đại học Tài chính - Marketing;*

*Căn cứ Quyết định số 1506/QĐ-ĐHTCM-ĐTTX ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức Vừa làm vừa học tại Trường Đại học Tài chính - Marketing;*

*Căn cứ Quyết định số 1507/QĐ-ĐHTCM-ĐTTX ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Từ xa trình độ đại học tại Trường Đại học Tài chính - Marketing;*

*Theo đề nghị của Viện trưởng Viện Đào tạo thường xuyên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận đạt chuẩn đầu ra về kỹ năng công nghệ thông tin cho 70 sinh viên, công nhận đạt chuẩn đầu ra về năng lực ngoại ngữ cho 19 sinh viên.

*(Có 02 danh sách kèm theo)*

**Điều 2.** Quyết định được đưa vào dữ liệu của sinh viên trên hệ thống UIS và lưu trữ tại văn phòng Viện Đào tạo thường xuyên.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Viện trưởng Viện Đào tạo thường xuyên và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Ban Giám hiệu;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐTTX (02b)✓

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



★ **Phạm Quốc Việt**



**DANH SÁCH SINH VIÊN HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC, TỪ XA  
ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA VỀ KỸ NĂNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3382/QĐ-ĐHTCM ngày 22 tháng 10 năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing)

| STT | MSSV       | HỌ VÀ TÊN                | NGÀY SINH  | LỚP              | VB/CC           |
|-----|------------|--------------------------|------------|------------------|-----------------|
| 1   | 2263101016 | Nguyễn Thị Thùy Trang    | 04/01/1995 | 22CDK18-KT1      | UDCNTTCB        |
| 2   | 2261102014 | Kiều Thị Thanh Thảo      | 20/11/1998 | 22DHK18-MA1      | UDCNTTCB        |
| 3   | 2272110040 | Cái Thị Thùy             | 22/09/1982 | 22XDH2K1-TA1.LTT | UDCNTTCB        |
| 4   | 2272110077 | Lê Quỳnh Yến Nhi         | 25/12/1992 | 22XDH2K1-TA1.VT  | UDCNTTNC        |
| 5   | 2272110089 | Đoàn Thị Cẩm Nhung       | 22/10/1995 | 22XDH2K1-TA1.VT  | UDCNTTCB        |
| 6   | 2363312021 | Nguyễn Minh Anh          | 15/06/1998 | 23CDK19-KQ3      | UDCNTTCB        |
| 7   | 2363901016 | Nguyễn Thị Xuân An       | 11/11/1993 | 23CDK19KT.TN     | Cao đẳng HTTTQL |
| 8   | 2363301027 | Phạm Thị Mỹ Diễm         | 24/01/1989 | 23CDK19-KT3      | UDCNTTCB        |
| 9   | 2363307011 | Phan Thị Thanh Trúc      | 18/05/2002 | 23CDK19-MA3      | UDCNTTCB        |
| 10  | 2363106027 | Đàm Quốc Triệu           | 03/08/2000 | 23CDK19QT1       | UDCNTTCB        |
| 11  | 2363906016 | Nguyễn Thị Ngọc Dung     | 20/06/1990 | 23CDK19QT3.TN    | UDCNTTCB        |
| 12  | 2363906017 | Cao Ngọc Lâm             | 22/12/2001 | 23CDK19QT3.TN    | Cao đẳng CNTT   |
| 13  | 2363104009 | Lê Đức Nghĩa             | 25/05/1994 | 23CDK19TC1       | UDCNTTCB        |
| 14  | 2363304003 | Phạm Thị Mỹ Hạt          | 09/04/1994 | 23CDK19-TC3      | UDCNTTCB        |
| 15  | 2363304004 | La Quang Hiền            | 15/02/1991 | 23CDK19-TC3      | UDCNTTCB        |
| 16  | 2363304010 | Lê Thị Ngọc              | 02/02/1994 | 23CDK19-TC3      | UDCNTTCB        |
| 17  | 2363304017 | Nguyễn Ngọc Thảo Quyên   | 28/12/1994 | 23CDK19-TC3      | UDCNTTCB        |
| 18  | 2362107002 | Nguyễn Đức Hải Linh      | 12/05/1996 | 23DH2K8MA1       | UDCNTTCB        |
| 19  | 2362906005 | Trịnh Nguyễn Ngọc Phương | 24/03/1987 | 23DH2K9QT.TN     | UDCNTTCB        |
| 20  | 2362906007 | Nguyễn Nhật Trường       | 12/09/1996 | 23DH2K9QT.TN     | UDCNTTCB        |
| 21  | 2362310035 | Trần Kỳ Quốc Tuấn        | 14/02/1982 | 23DH2K9-TA2.AG   | UDNCTTCB        |
| 22  | 2362310037 | Trần Hữu Phú             | 22/09/1997 | 23DH2K9-TA2.AG   | UDCNTTCB        |
| 23  | 2362210046 | Trần Trang Nhã Tiên      | 14/01/1998 | 23DH2K9-TA2.Q7   | UDCNTTCB        |
| 24  | 2362210052 | Huỳnh Thị Ngọc Trang     | 27/07/1989 | 23DH2K9-TA2.Q7   | UDCNTTCB        |
| 25  | 2362210058 | Hồ Thanh Mai             | 08/04/2000 | 23DH2K9-TA2.Q7   | UDCNTTNC        |
| 26  | 2362210062 | Hà Thị Thanh             | 03/12/1978 | 23DH2K9-TA2.Q7   | UDCNTTCB        |
| 27  | 2362210063 | Hoàng Thị Ái Hằng        | 04/10/1983 | 23DH2K9-TA2.Q7   | UDCNTTCB        |
| 28  | 2362210080 | Nguyễn Thụy Tuyết Trinh  | 12/01/1985 | 23DH2K9-TA2.Q7   | Đại học Tin học |
| 29  | 2362210089 | Hồ Thanh Thúy            | 25/09/1991 | 23DH2K9-TA2.Q7   | UDCNTTCB        |
| 30  | 2362210090 | Lê Thị Huyền Trang       | 30/06/1988 | 23DH2K9-TA2.Q7   | UDCNTTCB        |
| 31  | 2362210093 | Lê Hà Thiên Ân           | 29/08/1985 | 23DH2K9-TA2.Q7   | UDCNTTCB        |
| 32  | 2362210100 | Trần Thị Trúc Phương     | 01/11/1974 | 23DH2K9-TA2.Q7   | UDCNTTNC        |
| 33  | 2362210115 | Lê Thị Hồng Hà           | 01/07/1977 | 23DH2K9-TA2.Q7   | UDCNTTCB        |
| 34  | 2362304002 | Trần Khánh Hoàng         | 31/07/1997 | 23DH2K9-TC3      | UDCNTTCB        |
| 35  | 2372110017 | Võ Thị Mỹ Hạ             | 28/07/1998 | 23XDH2K2.TA1     | UDCNTTCB        |
| 36  | 2372110022 | Trần Ngọc Anh Thư        | 08/07/2001 | 23XDH2K2.TA1     | UDCNTTCB        |
| 37  | 2372110034 | Nguyễn Thị Như Thúy      | 22/06/1983 | 23XDH2K2.TA1     | UDCNTTCB        |
| 38  | 2372110038 | Nguyễn Phan Mai Khoa     | 06/06/1986 | 23XDH2K2.TA1     | UDCNTTCB        |
| 39  | 2372210056 | Nguyễn Tuyết Trân Trân   | 12/10/1999 | 23XDH2K2-TA2.Q8  | UDCNTTCB        |
| 40  | 2372210067 | Lê Thị Mỹ Dung           | 09/05/1974 | 23XDH2K2-TA2.Q8  | UDCNTTCB        |
| 41  | 2372210086 | Nguyễn Thị Kim Trà       | 16/06/1997 | 23XDH2K2-TA2.Q8  | UDCNTTCB        |
| 42  | 2372210038 | Phùng Minh Phượng        | 17/05/1982 | 23XDH2K2-TA2.VT  | Cao đẳng CNTT   |
| 43  | 2372210055 | Ngô Huỳnh Thùy Trang     | 08/5/1981  | 23XDH2K2-TA2.VT  | Đại học CNTT    |
| 44  | 2463212015 | Trần Thị Mỹ Viên         | 29/06/1998 | 24V.CKQ20.2NK    | MOS             |
| 45  | 2462101008 | Kiều Thanh Huy           | 08/04/1976 | 24V.DTA1.1AG     | UDCNTTCB        |



| STT | MSSV       | HỌ VÀ TÊN             | NGÀY SINH  | LỚP             | VB/CC    |
|-----|------------|-----------------------|------------|-----------------|----------|
| 46  | 2462101011 | Lê Thanh Long         | 01/04/1994 | 24V.DTA1.1AG    | UDCNTTCB |
| 47  | 2462101013 | Nguyễn Văn Nôn        | 08/12/1984 | 24V.DTA1.1AG    | UDCNTTCB |
| 48  | 2462101014 | Ngô Thị Hồng Nhung    | 01/01/1993 | 24V.DTA1.1AG    | UDCNTTCB |
| 49  | 2462101019 | Trương Như Phượng     | 24/01/1982 | 24V.DTA1.1AG    | UDCNTTCB |
| 50  | 2462101021 | Trần Quốc Tuấn        | 02/11/1990 | 24V.DTA1.1AG    | UDCNTTCB |
| 51  | 2462101023 | Đoàn Thị Xuân         | 05/12/1991 | 24V.DTA1.1AG    | UDCNTTCB |
| 52  | 2462101029 | Huỳnh Văn Giàu        | 13/03/1990 | 24V.DTA1.1AG    | UDCNTTNC |
| 53  | 2462101031 | Huỳnh Hồng Nam        | 02/01/1981 | 24V.DTA1.1AG    | UDCNTTCB |
| 54  | 2462101035 | Quách Cao Thanh       | 24/10/1981 | 24V.DTA1.1AG    | UDCNTTCB |
| 55  | 2462110003 | Phan Thị Mỹ Dung      | 11/05/1991 | 24V.DTA1.1AG    | UDCNTTCB |
| 56  | 2462110007 | Quách Mỹ Huê          | 27/03/1984 | 24V.DTA1.1AG    | UDCNTTCB |
| 57  | 2472310073 | Hồ Duy Phúc           | 29/02/2000 | 24X.DTA3.1.HCQG | UDCNTTCB |
| 58  | 2563122014 | Đinh Thanh Thúy Hà    | 24/01/2003 | 25V.CKQ21.2NK   | UDCNTTCB |
| 59  | 2563012006 | Nguyễn Hà Quỳnh Như   | 22/09/1995 | 25V.CKT21.2NK   | UDCNTTCB |
| 60  | 2563072030 | Lê Văn Tiến           | 26/03/2003 | 25V.CMA21.2NK1  | MOS      |
| 61  | 2563072062 | Huỳnh Thu Hiền        | 20/11/2003 | 25V.CMA21.2NK2  | MOS      |
| 62  | 2563072069 | Nguyễn Ngọc Kim Ngân  | 23/09/2001 | 25V.CMA21.2NK2  | UDCNTTCB |
| 63  | 2563072102 | Nguyễn Thị Thanh Thùy | 11/12/2001 | 25V.CMA21.2NK2  | UDCNTTCB |
| 64  | 2561407081 | Nguyễn Thị Quỳnh Như  | 28/10/2003 | 25V.CMA21.3NK2  | UDCNTTCB |
| 65  | 2563041025 | Mai Đức Thành Công    | 21/06/1998 | 25V.CTC21.1NK   | UDCNTTCB |
| 66  | 2562012006 | Hoàng Đình Tuấn       | 31/07/1999 | 25V.DKT11.2NK   | UDCNTTNC |
| 67  | 2562401002 | Đặng Thị Mỹ Linh      | 02/10/2000 | 25V.DKT11.3NK   | UDCNTTCB |
| 68  | 2561073024 | Hồ Thị Kim Niên       | 01/11/1998 | 25V.PMA21.3NK   | UDCNTTCB |
| 69  | 2572104036 | Đỗ Thị Kim Ngân       | 10/06/1988 | 25X.DTA4.1.ILFM | UDCNTTCB |
| 70  | 2572104056 | Trần Thị Minh Trúc    | 03/07/1991 | 25X.DTA4.1.ILFM | UDCNTTNC |

Tổng số danh sách: 70 sinh viên. ✓



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH SINH VIÊN HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC, TỪ XA  
ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA VỀ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ**

*\*Bản hành kèm theo Quyết định số 3382/QĐ-ĐHTCM ngày 22 tháng 10 năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing)*

| STT | MSSV       | HỌ VÀ TÊN                | NGÀY SINH  | LỚP             | VB/CC          | ĐIỂM          |
|-----|------------|--------------------------|------------|-----------------|----------------|---------------|
| 1   | 2263101016 | Nguyễn Thị Thùy Trang    | 04/01/1995 | 22CDK18-KT1     | Khung 6 bậc    | bậc 3: 5.0/10 |
| 2   | 2363901017 | Lê Duy Thanh             | 29/03/1991 | 23CDK19KT.TN    | Khung 6 bậc    | bậc 3: 5.5/10 |
| 3   | 2363901003 | Nguyễn Thị Ngọc Trâm     | 16/05/1993 | 23CDK19KT.TN    | Khung 6 bậc    | bậc 3: 4.0/10 |
| 4   | 2363101007 | Văn Yến Nhi              | 30/11/2000 | 23CDK19KT1      | Aptis Esol     | B1            |
| 5   | 2363307017 | Nguyễn Võ Hồng Vân       | 08/05/2002 | 23CDK19-MA3     | Khung 6 bậc    | bậc 3: 4.5    |
| 6   | 2363307011 | Phan Thị Thanh Trúc      | 18/05/2002 | 23CDK19-MA3     | Khung 6 bậc    | bậc 3: 5.0    |
| 7   | 2363307018 | Trần Thị Phương Thủy     | 12/12/2001 | 23CDK19-MA3     | Khung 6 bậc    | bậc 3: 4.0    |
| 8   | 2363106027 | Đàm Quốc Triệu           | 03/08/2000 | 23CDK19-QT1     | Khung 6 bậc    | bậc 3: 4.5    |
| 9   | 2363306014 | Trần Thị Quỳnh           | 14/04/1994 | 23CDK19-QT3     | Khung 6 bậc    | bậc 3: 5.0/10 |
| 10  | 2363906016 | Nguyễn Thị Ngọc Dung     | 20/06/1990 | 23CDK19QT3.TN   | Khung 6 bậc    | bậc 3: 4.0/10 |
| 11  | 2363304017 | Nguyễn Ngọc Thảo Uyên    | 28/12/1994 | 23CDK19-TC3     | Khung 6 bậc    | bậc 3: 4.0/10 |
| 12  | 2362901007 | Nguyễn Hoàng Tiến        | 12/07/1994 | 23DH2K8KT.TN    | Khung 6 bậc    | bậc 3: 5.0/10 |
| 13  | 2362307001 | Phạm Thùy Dung           | 04/12/1996 | 23DH2K9-MA3     | Khung 6 bậc    | bậc 4: 6.0    |
| 14  | 2362906003 | Lê Quan Khải             | 02/03/1993 | 23DH2K9QT.TN    | Khung 6 bậc    | bậc 3: 4.5/10 |
| 15  | 2362906005 | Trịnh Nguyễn Ngọc Phương | 24/03/1987 | 23DH2K9QT.TN    | Khung 6 bậc    | bậc 3: 5.0/10 |
| 16  | 2362906007 | Nguyễn Nhật Trường       | 12/09/1996 | 23DH2K9QT.TN    | Khung 6 bậc    | bậc 3: 5.5/10 |
| 17  | 2361307086 | Đặng Thị Yến Nhi         | 29/03/2005 | 23DHK19-MA3.H2  | Aptis Esol     | B1            |
| 18  | 2472310101 | Huỳnh Kim Huy            | 13/06/1997 | 24X.DTA3.1.HVPN | Khung 6 bậc    | bậc 3: 4.5    |
| 19  | 2562041002 | Đoàn Yến Ly              | 21/10/2000 | 25V.DTC11.INK   | Đại học NN Anh |               |

Tổng số danh sách: 19 sinh viên./✓

